TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05/3/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Diễm H,** sinh ngày 02/12/1997.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

3. Người được chị Nguyễn Thị Diễm H ủy quyền về việc giao nhận các văn bản của Tòa án: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và có quan điểm xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống tại gia đình anh T. Trong cuộc sống hàng ngày anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế cũng như trong việc nuôi dạy con. Để cải thiện kinh tế gia đình, ngày 14/11/2022 chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, do vợ chồng mỗi người ở một nơi, anh chị không còn quan tâm, chia sẻ khiến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 30/4/2017 và Nguyễn Hải N1, sinh ngày 26/3/2019, hiện các con đang sinh sống và học tập ổn định cùng với anh T. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 con/1 tháng cho đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị H đã trình bày. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Về con chung vợ chồng anh có hai con chung như chị H trình bày, khi ly hôn anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, việc chị H cấp dưỡng thế nào thì tùy chị H. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh T còn có ý kiến về việc sau khi ly hôn, chị H không còn liên quan gì đến cuộc sống của bố con anh.

Theo biên bản xác minh tại UBND phường C thể hiện: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại địa phương, thời gian sau này chị H đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn ly hôn là quyền quyết định của anh chị, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

Con chung Nguyễn Thị Kim N có nguyện vọng được ở cùng với bố là anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Diễm H ly hôn anh Nguyên Văn T1; Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 30/4/2017 và Nguyễn Hải N1, sinh ngày 26/3/2019 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 con/1 tháng cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Diễm H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng có đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đều có xác nhận của Đại sứ quán C1 tại Nhật Bản. Do vậy, các tài liệu này là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa, chị H, anh T vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 23/3/2016 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Bản thân anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm và

nhất trí ly hôn. HĐXX thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 30/4/2017 và Nguyễn Hải N1, sinh ngày 26/3/2019. Xét về thực tế cả hai con chung hiện đang sống cùng anh T, cháu N có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Bên cạnh đó, chị H và anh T đều đề nghị giao cả hai con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo sự ổn định và phát triển về mọi mặt của con chung, cũng như phù hợp với nguyện vọng con, phù hợp với quan điểm của các đương sự, cần tiếp tục giao cháu N, cháu N1 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh T không đề nghị chị H cấp dưỡng cho con, tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng cho con là 2.000.000đồng/1 con/1 tháng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Diễm H ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 30/4/2017 và Nguyễn Hải N1, sinh ngày 26/3/2019. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Diễm H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/1 con/1 tháng, thời gian kể từ tháng 3/2025 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị Diễm H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị Vũ Thị C đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005466 ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị H còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Nhu

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Chí Minh, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.